

Số: /BC-STP

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 4 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1577/SGDDĐT-HCTH ngày 18/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sửa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo văn bản, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO**

##### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đề ra mục tiêu: *“Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 90% và 80% vào năm 2030”* và giải pháp về thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học: *“Xây dựng hướng dẫn, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường). Ban hành các quy định nhằm hạn chế học sinh tiếp cận với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...”*.

Tại mục 15 phần V Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *“b) Bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của Chiến lược, trong đó ưu tiên vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở những địa phương có khu vực, đối tượng này. Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng với các chiến lược, chương trình, đề án, dự án khác có liên quan trên địa bàn. Trường hợp có khó khăn về kinh phí cho hoạt động dinh dưỡng đề nghị báo cáo Bộ Y tế để tổng hợp đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí theo quy định.*

c) *Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Chiến lược; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác dinh dưỡng theo quy định”*.

Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 23/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại khoản 8 Điều 2 quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương “*Nghiên cứu hình thành các cơ chế hỗ trợ giá sữa trong bữa ăn học đường*”;

Điều c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) quy định **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** ban hành Nghị quyết để quy định:

“c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; **biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp...”.

Điều 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định **Hội đồng nhân dân các cấp**:

“l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 giúp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại các trường học và góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực của trẻ.

Từ các cơ sở, nội dung nêu trên, việc xây dựng dự thảo, trình Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 là có căn cứ pháp lý, phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **2.1. Khoản 1. Phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo quy định “*Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030*”

Đề nghị bổ sung và sửa thành “*Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030*” cho chính xác.

### **2.2. Điều a khoản 2. Đối tượng áp dụng**

Dự thảo quy định “*Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học*”

Bổ sung và sửa thành “*Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh*” cho đầy đủ

## **II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG**

Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

### III. TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA DỰ THẢO

#### 1. Phần căn cứ pháp lý

Đề nghị bổ sung các căn cứ “*Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo*”.

#### 2. Điều 2. Nội dung và nguồn lực hỗ trợ

**2.1. Tên Điều**, dự thảo quy định “*Nội dung và nguồn lực hỗ trợ*”, tuy nhiên, nội dung tại Điều 2 dự thảo quy định về “*nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ, hình thức hỗ trợ*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét đặt tên Điều đảm bảo phản ánh khái quát, thống nhất với nội dung Điều quy định.

#### 2.2. Khoản 1. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ

- **Tại gạch đầu dòng thứ nhất, thứ hai và thứ ba điểm a:** dự thảo sử dụng cụm từ ***Phụ huynh*** đóng góp 25%, 50%, 75% kinh phí mua sữa.

Qua rà soát các quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành không sử dụng cụm từ “*phụ huynh*”, đề nghị xem xét việc sử dụng cụm từ này để bảo đảm chính xác; theo quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 sử dụng là cụm từ “*gia đình*”.

#### - Gạch đầu dòng thứ nhất điểm a

Dự thảo quy định: “*Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương) được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (Trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%; doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa); phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa*”.

Đối với cụm từ “*con thương binh*”, đề nghị rà soát xem việc sử dụng cụm từ này đã đầy đủ chính xác chưa, theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 thì còn quy định đối tượng **bệnh binh**.

#### - Điểm b và c dự thảo quy định:

“*b) Hỗ trợ kinh phí theo năm học cho công tác tuyên truyền, triển khai, giám sát thực hiện các hoạt động hỗ trợ sữa từ năm học 2026 - 2027 đến hết năm học 2029 - 2030.*

*c) Hỗ trợ các cơ sở giáo dục chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa với tỷ lệ 1.5% dựa trên số liệu tổng kinh phí mua sữa do phụ huynh đóng góp hàng tháng. Thời gian hỗ trợ trong 09 tháng thực học/năm học và đến hết năm học 2029 - 2030*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét về việc nội dung hỗ trợ tại 02 điểm có trùng lặp nhau về nội dung hoạt động không. Xem xét về việc đưa ra mức hỗ trợ tại điểm c cho các cơ sở giáo dục theo tháng.

### **2.3. Khoản 2. Thời gian, hình thức hỗ trợ**

- **Điểm a**, dự thảo quy định “*Thời gian hỗ trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 (gồm 04 năm học 2026-2027; 2027-2028; 2028-2029; 2029-2030): mỗi năm học thực hiện 09 tháng tính từ 01 tháng 9 năm trước đến hết 31 tháng 5 năm sau (04 năm tương ứng với 36 tháng)*”

Bổ sung và sửa thành “*Thời gian hỗ trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 (gồm 04 năm học 2026-2027; 2027-2028; 2028-2029; 2029-2030): mỗi năm học thực hiện 09 tháng tính từ **ngày** 01 tháng 9 năm trước đến hết **ngày** 31 tháng 5 năm sau (04 năm tương ứng với 36 tháng)*” cho chính xác.

- **Điểm b**, dự thảo quy định “*Hình thức hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ mua sữa, hỗ trợ triển khai cung cấp sữa được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường theo phân cấp ngân sách hiện hành*”.

Tên của Điểm này là **hình thức hỗ trợ**, nhưng nội dung lại quy định về **kinh phí hỗ trợ**. Đề nghị xem xét bổ sung quy định rõ hình thức hỗ trợ theo tiêu đề của Điểm này.

Đối với nội dung về kinh phí hỗ trợ, đề nghị tổng hợp bố cục chuyển xuống Điều 5 của dự thảo quy định về Nguồn kinh phí thực hiện.

### **3. Điều 4. Tiêu chuẩn về sữa**

- Sửa thành “**Điều 3. Tiêu chuẩn về sữa**”.

- Dự thảo quy định “*Sữa tươi tiệt trùng đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định hiện hành của pháp luật về sữa và có hạn sử dụng từ 180 ngày trở lên kể từ ngày sản xuất, sữa khi được đưa đến trẻ em và học sinh uống phải đảm bảo 60 ngày trước khi hết hạn sử dụng được ghi trên hộp.*”

Đề nghị xem xét, diễn đạt lại nội dung tại Điều này dễ hiểu hơn, tránh trùng lặp, xem xét sửa thành:

“*Sữa tươi tiệt trùng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định của pháp luật hiện hành; có thời hạn sử dụng tối thiểu 180 ngày kể từ ngày sản xuất. Tại thời điểm giao nhận cho trẻ em, học sinh, sản phẩm phải có thời hạn sử dụng còn lại tối thiểu 60 ngày so với hạn sử dụng ghi trên bao bì*”.

### **4. Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Sửa thành “**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**” cho chính xác.

- Dự thảo quy định:

“*1. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030 và toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tuyên truyền,*

triển khai cung cấp được cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thanh toán theo quy định.

2. Ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân xã/phường tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 50% trong tổng nguồn kinh phí địa phương mua sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học thuộc diện được hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện thanh toán cho Công ty cung cấp sữa qua Kho bạc khi có hồ sơ đề nghị thanh toán của phòng Văn hoá – Xã hội.

3. Vận động doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa.

Đề nghị xem lại nội dung quy định tại Điều này, việc quy định tại dự thảo được hiểu kinh phí là ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, ngân sách cấp xã hỗ trợ 50% và doanh nghiệp hỗ trợ 25%, như vậy tổng kinh phí 125% là không hợp lý; đề nghị quy định để đảm bảo chính xác, phù hợp.

- Quy định tại khoản 3 “Vận động doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa và kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa.”

Quy định này không thống nhất với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo “Hỗ trợ các cơ sở giáo dục chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa với tỷ lệ 1.5% dựa trên số liệu tổng kinh phí mua sữa do phụ huynh đóng góp hàng tháng”

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định thống nhất việc kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục công lập chi trả cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động hỗ trợ sữa từ nguồn nào, là Doanh nghiệp hay phụ huynh hỗ trợ để bảo đảm quy định được chính xác, thống nhất.

## **5. Điều 5. Tổ chức thực hiện**

**Khoản 2**, dự thảo quy định “*Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết*”

Bỏ từ “của” và sửa thành “*Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết*” cho chính xác.

## **IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Nội dung dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

## **V. NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC, VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Các nguồn lực bảo đảm thực hiện Nghị quyết này được thực hiện theo quy định.

## **VI. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN**

### **1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày**

#### **1.1. Dự thảo Nghị quyết**

- Đề nghị điều chỉnh lại dự thảo Nghị quyết bảo đảm theo đúng Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*bỏ phần thẩm quyền ban hành văn bản sau tên của Nghị quyết*).

- Rà soát, sửa lại lỗi đánh máy tại toàn bộ dự thảo (*lỗi viết nghiêng, đậm tại phần căn cứ pháp lý, khoản 2 Điều 1, khoản 2 Điều 2*).

#### **1.2. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh**

- Đề nghị sửa lại Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

- Sửa phần kính gửi, khổ cuối khoản 1, phần I và phần cuối Tờ trình cụm từ “*Thường trực HĐND tỉnh*” thành “*Hội đồng nhân dân tỉnh*”

- Khoản 1, phần I (trang 7), sửa căn cứ “...theo quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ....” thành:

*“Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định HĐND tỉnh: “l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.*

- Khoản 2, phần I (trang 2) dự thảo quy định “*Sửa cung cấp cho Chương trình đảm bảo cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo đúng các quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế*”, tuy nhiên Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế đã được bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2023/TT-BYT ngày 14/4/2023 của Bộ Y tế, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ nội dung liên quan đến Thông tư số 31/2019/TT-BYT, tránh quy định theo văn bản đã hết hiệu lực.

#### **1.3. Hồ sơ kèm theo**

Một số thành phần hồ sơ chưa đúng theo Mẫu quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát bố cục lại các nội dung cho thống nhất, chính xác, như sau:

- Bộ cục dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách chưa đúng Mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

- Bản so sánh, thuyết minh chưa có nội dung thuyết minh mà đang quy định lại nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Báo cáo việc rà soát các VBQPPL: dự thảo đang thống kê các quy định hiện đã hết hiệu lực thi hành, đề nghị rà soát, cập nhật lại đảm bảo chính xác.

## **2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo**

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện các bước theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đề nghị thực hiện việc đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 5 Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất 30 ngày*).

- Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đặc thù của tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu việc lấy ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **VII. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến thẩm định, hoàn thiện dự thảo, sau khi nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định đã nêu tại Báo cáo này, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVI (ĐTTH).

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Hùng Trường**